

Số: 1403/BSG-PQHCD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN (SABECO)**
 - Mã chứng khoán: SAB
 - Địa chỉ trụ sở chính: 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP.HCM
 - Điện thoại: (8428) 38 296 342
 - Fax: (8428) 38 296 856
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Bùi Anh Vũ
Chức vụ: Trưởng Ban Kế hoạch – Tổng hợp
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính riêng quý III/2017 và Công văn giải trình chênh lệch 10% chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng so với cùng kỳ năm trước;
Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2017;

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *CSuy*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PQHCD;

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng Quý III/2017 và công văn giải trình chênh lệch 10% chỉ tiêu LNST trên BCTC riêng so với cùng kỳ năm trước;
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2017;

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Bùi Anh Vũ

Số: 1400/BSG-BKTTK

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2017

**Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

Tên công ty : Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TPHCM
Mã số thuế : 0300583659
Người đại diện : Nguyễn Thành Nam Chức vụ: Tổng Giám đốc

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức quy định giải trình cụ thể đối với trường hợp lợi nhuận sau thuế chênh lệch 10% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO) giải trình Báo cáo tài chính riêng Quý 3 năm 2017 cụ thể như sau:

Về kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3 năm 2017

(Đơn vị tính: VND)

KHOẢN MỤC	Quý 3		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	Năm nay	Năm trước		
A	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.372.338.341.079	7.642.567.859.769	729.770.481.310	10%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	8.372.338.341.079	7.642.567.859.769	729.770.481.310	10%
4. Giá vốn hàng bán	7.165.678.120.479	6.515.452.602.472	650.225.518.007	10%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.206.660.220.600	1.127.115.257.297	79.544.963.303	7%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	350.882.418.894	540.512.253.263	(189.629.834.369)	-35%
7. Chi phí tài chính	1.003.858.856	305.392.827	698.466.029	229%
8. Chi phí bán hàng	299.497.895.333	119.025.376.691	180.472.518.642	152%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	76.061.577.386	68.577.571.703	7.484.005.683	11%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.180.979.307.919	1.479.719.169.339	(298.739.861.420)	-20%
11. Thu nhập khác	292.732.444	5.208.832.476	(4.916.100.032)	-94%
12. Chi phí khác	770.487.014	104.989.497	665.497.517	634%
13. Lợi nhuận khác	(477.754.570)	5.103.842.979	(5.581.597.549)	-109%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.180.501.553.349	1.484.823.012.318	(304.321.458.969)	-20%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	188.038.852.462	242.766.373.066	(54.727.520.604)	-23%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.238.901.380	14.700.366.560	(12.461.465.180)	-85%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	990.223.799.507	1.227.356.272.692	(237.132.473.185)	-19%



Giải trình nguyên nhân tăng giảm chủ yếu như sau:

- Doanh thu và giá vốn hàng bán tăng do sản lượng tiêu thụ Quý 3 tăng so với cùng kỳ năm trước và việc điều chỉnh tăng giá bán sản phẩm từ ngày 01/01/2017.
- Doanh thu hoạt động tài chính Quý 3/2017 giảm so với cùng kỳ năm trước do trong Quý 3 năm 2016, SABECO có ghi nhận khoản thu nhập tài chính từ việc thoái vốn đầu tư của Công ty CP Thủy điện Miền Nam: 170.578.950.500 đồng; Công ty CP đầu tư Sabeco Pearl: 49.312.495.674 đồng và phát sinh do khoản gốc trái phiếu của Ngân hàng NN & PTNT -CN Trung Tâm Sài Gòn đã đáo hạn tháng 10/2016: 3.900.000.000 đồng.
- Chi phí bán hàng Quý 3 năm 2017 tăng 152% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do trong năm 2017, SABECO thay đổi mô hình quản lý chi phí hỗ trợ bán hàng, theo đó kể từ ngày 01/01/2017 SABECO chuyển các khoản chi phí hỗ trợ bán hàng từ Công ty con 100% vốn là Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn đã chi hỗ trợ cho 10 Công ty CP Sài Gòn khu vực năm 2016 về SABECO triển khai, thực hiện và giải ngân tương đương khoảng 217 tỷ đồng.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chi tiêu trên Báo cáo tài chính riêng Quý 3 năm 2017 của SABECO.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CTHĐQT (để b/c);
- TBKS;
- Lưu: VT. VT-BKTTK (02).



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Nam



Gửi

**BIA
SAIGON®**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 3 NĂM 2017



Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn ("Tổng Công ty") được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy phép kinh doanh số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010027 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đã được thay đổi nhiều lần. Từ năm 2016, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi thành Giấy chứng nhận doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300583659 theo yêu cầu của các quy định hiện hành. Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0300583659 thay đổi gần nhất, lần thứ 6 vào ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm nguyên vật liệu và bao bì.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch	
Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Bích Đạt	Thành viên	
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	từ ngày 16 tháng 2 năm 2017
Ông Vũ Quang Hải	Thành viên	đến ngày 16 tháng 2 năm 2017
Ông Lê Hồng Xanh	Thành viên	đến ngày 8 tháng 8 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng ban	từ ngày 9 tháng 8 năm 2017
	Thành viên	từ ngày 16 tháng 2 năm 2017
		đến ngày 8 tháng 8 năm 2017
Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban	đến ngày 8 tháng 8 năm 2017
Ông Lý Minh Hoàng	Thành viên	từ ngày 8 tháng 8 năm 2017
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	đến ngày 18 tháng 4 năm 2017
Ông Chung Trí Dũng	Thành viên	đến ngày 16 tháng 2 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng giám đốc	từ ngày 12 tháng 6 năm 2017
Ông Lê Hồng Xanh	Phụ trách Ban điều hành	đến ngày 12 tháng 6 năm 2017
	Phó tổng giám đốc	đến ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Minh An	Phó tổng giám đốc	

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng giám đốc (từ ngày 15 tháng 6 năm 2017)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị: Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy phép kinh doanh số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 3 ngày 28 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần thứ 6 ngày 1 tháng 9 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm nguyên vật liệu và bao bì.

Trụ sở chính :

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh, P.12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn tại Hà Nội
Tầng 6, số 97, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh:

- Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi. Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh, Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

Cấu trúc doanh nghiệp:

-Danh sách các công ty con:

➤ **Nhóm ngành sản xuất bia:**

1. Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
2. Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn Miền Tây
3. Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn- Quảng Ngãi
4. Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Nghệ Tĩnh
5. Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Sông Lam
6. Công ty Cổ Phần Bia Rượu Sài Gòn-Đồng Xuân
7. Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn-Hà Tĩnh

➤ **Nhóm ngành sản xuất nước giải khát:**

8. Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương

➤ **Nhóm ngành sản xuất rượu:**

9. Công Ty CP Rượu Bình Tây

➤ **Nhóm ngành sản xuất bao bì:**

10. Công ty Cổ Phần Bao Bì Bia Sài Gòn

➤ **Nhóm công ty thương mại, dịch vụ,:**

11. Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn
12. Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sabeco
13. Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Bắc
14. Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ
15. Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Trung Tâm
16. Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Trung
17. Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
18. Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ
19. Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Đông
20. Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
21. Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu
22. Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Đông Bắc

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

➤ **Nhóm ngành sản xuất bia:**

1. Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Miền Trung
2. Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ
3. Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Kiên Giang
4. Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Phủ Lý
5. Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Vĩnh Long
6. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa
7. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn- Bến Tre

➤ **Nhóm ngành sản xuất rượu:**

8. Cty TNHH Sản xuất Rượu & Cồn Việt Nam

➤ **Nhóm ngành sản xuất bao bì:**

9. Công Ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn
10. Công Ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ
11. Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam

➤ **Nhóm ngành khác:**

12. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Thành
13. Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương Thực Thực phẩm Trường Sa
14. Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

1. Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh
2. Nhà máy Bia Sài Gòn Củ Chi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm)
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền Đồng Việt Nam và được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo Đồng Việt Nam ("VND")

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam;
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán: tỷ giá thực tế và tỷ giá hạch toán
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn thu hồi còn lại dưới 3 tháng kể từ ngày báo cáo.

5. Nguyên tắc các khoản đầu tư tài chính
 - a) Chứng khoán kinh doanh;
 - b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Phản ánh các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

- c) Các khoản cho vay;
- d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết:

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc, ngoại trừ một số khoản đầu tư được đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 cho mục đích cổ phần hóa theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa ngày 6 tháng 3 năm 2010. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh được hạch toán theo giá gốc, ngoại trừ một số khoản đầu tư được đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 cho mục đích cổ phần hóa theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa ngày 6 tháng 3 năm 2010. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: là các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu Tổng công ty nắm giữ mà không có ý định kinh doanh.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Dự phòng các khoản đầu tư:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc niên độ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu với giá trị thị

trường tại ngày đó và các khoản đầu tư khác theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và dựa trên nguyên tắc thận trọng của kế toán theo CMKTVN số 1 "Chuẩn mực chung". Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình: được thể hiện theo nguyên giá, ngoại trừ các tài sản đã được đánh giá lại trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, trừ đi khấu hao lũy kế. Giá trị đánh giá lại được phản ánh vào khoản vốn góp nhận được.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình: được ghi nhận theo nguyên giá hoặc giá trị đánh giá lại trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình: được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa & vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc & thiết bị	5 – 12 năm
Phương tiện vận tải	3 – 8 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Quyền sử dụng đất không thời hạn	

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh;

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là tiền thuế đất trả trước, lợi thế kinh doanh, quyền sử dụng đất...

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện xảy ra, sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

23. Nguyên tắc chi phí tài chính

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

26.1 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN số 10¹ liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong (các) năm trước. Bên cạnh CMKTVN số 10, bắt đầu từ năm 2012, Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đối với các nghiệp vụ ngoại tệ như được trình bày trong Thuyết minh 3.1.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính.

26.2 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

26.3 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

26.4 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tổng Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên.

26.5 Quỹ Khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập từ lợi nhuận tính thuế của Tổng Công ty theo quy định hiện hành. Quỹ này được trích lập để đầu tư phát triển khoa học và công nghệ của Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

B01a-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.433.397.197.932	7.193.450.624.011
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.346.767.317.547	1.880.612.291.229
111	1. Tiền		96.767.317.547	180.612.291.229
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.250.000.000.000	1.700.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		4.965.000.000.000	2.940.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16	4.965.000.000.000	2.940.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.654.267.792.255	1.319.572.867.475
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.189.396.695.306	654.947.891.118
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	17.320.492.009	25.835.999.243
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	473.837.995.921	665.076.368.095
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(40.787.786.892)	(40.787.786.892)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	8	14.500.395.911	14.500.395.911
140	IV. Hàng tồn kho		345.991.656.491	395.709.326.162
141	1. Hàng tồn kho	10	360.548.340.836	410.266.010.507
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10	(14.556.684.345)	(14.556.684.345)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		121.370.431.639	657.556.139.145
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	7.108.770.298	7.330.467.472
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	9.424.137.131
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	114.261.661.341	640.801.534.542



TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

B01a-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.109.219.599.728	6.268.339.688.713
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		319.351.652.760	320.787.195.660
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		9.900.000.000	9.900.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	348.220.532.665	349.656.075.565
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	9	(38.768.879.905)	(38.768.879.905)
220	II. Tài sản cố định		1.898.310.178.663	2.052.019.379.902
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.011.622.058.467	1.157.698.733.135
222	Nguyên giá		3.423.693.132.092	3.386.884.827.897
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.412.071.073.625)	(2.229.186.094.762)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	886.688.120.196	894.320.646.767
228	Nguyên giá		987.925.803.824	987.925.803.824
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(101.237.683.628)	(93.605.157.057)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	4.453.231.746	4.747.955.124
231	1. Nguyên giá		7.859.289.977	7.859.289.977
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(3.406.058.231)	(3.111.334.853)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		46.944.825.013	29.216.550.436
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	46.944.825.013	29.216.550.436
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		3.752.096.042.217	3.760.530.037.279
251	1. Đầu tư vào công ty con	16	2.728.068.835.029	2.728.068.835.029
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	16	667.084.845.720	666.884.845.720
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16	783.539.401.803	807.063.205.046
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16	(447.465.920.240)	(462.355.728.421)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16	20.868.879.905	20.868.879.905
260	VI. Tài sản dài hạn khác		88.063.669.329	101.038.570.312
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	67.235.609.850	75.573.566.548
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29	16.047.681.312	21.844.700.874
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10	4.780.378.167	3.620.302.890
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		16.542.616.797.660	13.461.790.312.724

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

B01a-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.243.625.453.366	3.281.585.395.591
310	I. Nợ ngắn hạn		3.137.752.483.943	3.175.712.426.168
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.127.867.267.558	1.407.024.034.688
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.911.310.882	788.329.086
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	284.310.485.742	247.158.425.031
314	4. Phải trả người lao động		162.228.977.366	105.953.656.715
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	592.401.927.853	218.943.632.197
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	900.361.500.758	1.006.547.944.823
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	62.671.013.784	189.296.403.628
330	II. Nợ dài hạn		105.872.969.423	105.872.969.423
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	51.602.316.000	51.602.316.000
343	2. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		54.270.653.423	54.270.653.423
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		13.298.991.344.294	10.180.204.917.133
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	13.298.991.344.294	10.180.204.917.133
411	1. Vốn cổ phần		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		760.819.802.040	760.819.802.040
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.125.359.682.254	3.006.573.255.093
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.930.605.959.093	3.006.573.255.093
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		3.194.753.723.161	
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		16.542.616.797.660	13.461.790.312.724

Lê Thị Thiên Thanh
Người lập

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Nam
Tổng giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

B02a-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3 năm 2017		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	8.372.338.341.079	7.642.567.859.769	24.099.032.010.087	21.965.496.509.624
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23				
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	23	8.372.338.341.079	7.642.567.859.769	24.099.032.010.087	21.965.496.509.624
11	4. Giá vốn hàng bán	24	7.165.678.120.479	6.515.452.602.472	20.603.229.118.155	18.766.294.894.977
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		1.206.660.220.600	1.127.115.257.297	3.495.802.891.932	3.199.201.614.647
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	350.882.418.894	540.512.253.263	1.445.238.615.866	1.219.055.962.426
22	7. Chi phí tài chính	25	1.003.858.856	305.392.827	(12.243.063.269)	5.797.089.551
25	8. Chi phí bán hàng	26	299.497.895.333	119.025.376.691	930.799.261.457	375.577.003.819
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	76.061.577.386	68.577.571.703	216.716.966.933	183.482.727.412
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		1.180.979.307.919	1.479.719.169.339	3.805.768.342.677	3.853.400.756.291
31	11. Thu nhập khác	27	292.732.444	5.208.832.476	1.122.095.667	20.947.019.144
32	12. Chi phí khác	27	770.487.014	104.989.497	5.594.788.785	12.137.325.088
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	27	(477.754.570)	5.103.842.979	(4.472.693.118)	8.809.694.056
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		1.180.501.553.349	1.484.823.012.318	3.801.295.649.559	3.862.210.450.347
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	188.038.852.462	242.766.373.066	526.474.933.511	628.719.807.456
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		2.238.901.380	14.700.366.560	5.797.019.562	34.566.330.407
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		990.223.799.507	1.227.356.272.692	3.269.023.696.486	3.198.924.312.484

Lê Thị Thiên Thanh
Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2017

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Nam
Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

B03a-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.801.295.649.559	3.862.210.450.347
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
2	Khấu hao và hao mòn		190.812.228.812	194.323.169.295
3	Các khoản dự phòng		(14.889.808.181)	7.808.697.212
4	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.096.404	14.918.103
5	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.444.738.198.906)	(1.221.315.071.560)
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.532.482.967.688	2.843.042.163.397
9	Tăng, giảm các khoản phải thu		34.835.615.660	(144.949.897.686)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		40.413.507.279	123.554.083.014
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		(524.707.618.395)	(225.170.042.971)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		8.559.653.872	18.224.096.078
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			(318.458.069.641)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(71.854.871.169)	(107.843.134.407)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		2.019.729.254.935	2.188.399.197.784
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(53.005.955.850)	(97.063.293.306)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.065.000.000.000)	(2.505.000.000.000)
24	Tiền thu cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		3.040.000.000.000	100.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(20.000.000.000)	(3.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		43.322.703.243	348.840.550.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.701.800.760.636	1.249.354.431.340
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(352.882.491.971)	(906.868.311.966)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Chia cổ tức		(200.694.833.050)	(1.925.705.141.550)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(200.694.833.050)	(1.925.705.141.550)

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

B03a-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.466.151.929.914	(644.174.255.732)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.880.612.291.229	6.406.079.584.088
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.096.404	(14.918.103)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	3.346.767.317.547	5.761.890.410.253



Lê Thị Thiên Thanh
Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2017



Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Nam
Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2017	01/01/2017
Tiền mặt tại quỹ	222.955.718	437.903.500
Tiền gửi ngân hàng	96.544.361.829	180.174.387.729
Các khoản tương đương tiền	3.250.000.000.000	1.700.000.000.000
TỔNG CỘNG	3.346.767.317.547	1.880.612.291.229

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2017	01/01/2017
Phải thu từ các bên khác	21.905.132.867	120.608.260.778
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hương Sen	2.722.857.453	26.069.471.834
- Công ty Cổ phần Hưng Long	192.018.790	2.361.140.530
- Công ty Cổ phần Bia NGK Phú Yên	1.991.845.406	1.991.845.406
- Khác	16.998.411.218	90.185.803.008
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.167.491.562.439	534.339.630.340
TỔNG CỘNG	1.189.396.695.306	654.947.891.118

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2017	01/01/2017
Trả trước cho các bên khác	12.590.550.769	25.130.949.603
- Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	7.808.565.613	16.195.577.268
- Khác	4.781.985.156	8.935.372.335
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	802.816.420	352.524.820
TỔNG CỘNG	17.320.492.009	25.835.999.243

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/09/2017	01/01/2017
Ngắn hạn	473.837.995.921	665.076.368.095
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	362.317.039.866	571.788.120.184
Lãi ngân hàng và lãi trái phiếu	73.990.758.372	56.449.079.118
Ký quỹ, ký cược	150.988.774	8.150.988.774
Tạm ứng cho nhân viên	5.690.423.087	5.318.875.571
Các khoản khác	31.688.785.822	23.369.304.448

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

Dài hạn	348.220.532.665	349.656.075.565
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	328.073.502.218	328.073.502.218
Ký quỹ, ký cược	12.118.265.447	13.553.808.347
Phải thu về cổ phần hóa	28.765.000	28.765.000
Các khoản khác	8.000.000.000	8.000.000.000
TỔNG CỘNG	822.058.528.586	1.014.732.443.660
8 TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ	30/09/2017	01/01/2017
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	6.830.212.392	6.830.212.392
Khác	7.670.183.519	7.670.183.519
TỔNG CỘNG	14.500.395.911	14.500.395.911
9 DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI	30/09/2017	01/01/2017
Ngắn hạn	40.787.786.892	40.787.786.892
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	23.343.732.586	23.343.732.586
Dự phòng tài sản thiếu chờ xử lý	14.500.395.911	14.500.395.911
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.679.761.250	2.679.761.250
Dự phòng cho các khoản ứng trước cho người bán	141.522.563	141.522.563
Dự phòng cho các khoản tạm ứng cho nhân viên	122.374.582	122.374.582
Dài hạn	38.768.879.905	38.768.879.905
Dự phòng phải thu về cho vay dài hạn	9.900.000.000	9.900.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khác	28.868.879.905	28.868.879.905
TỔNG CỘNG	79.556.666.797	79.556.666.797

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

10 HÀNG TỒN KHO

	30/09/2017		01/01/2017	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Nguyên liệu, vật liệu	170.560.887.377	(14.556.684.345)	165.073.443.484	(14.556.684.345)
Công cụ, dụng cụ	7.444.051.760		7.590.022.766	-
Thành phẩm	24.968.895.548		17.538.159.717	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	83.537.672.021		81.803.631.685	-
Hàng đang đi trên đường	74.036.834.130		138.260.752.855	-
TỔNG CỘNG	360.548.340.836	(14.556.684.345)	410.266.010.507	(14.556.684.345)
Dài hạn				
Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế	12.924.465.282	(8.144.087.115)	11.764.390.005	(8.144.087.115)

9.0
T
NH

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>30/09/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
Ngắn hạn	7.108.770.298	7.330.467.472
Vật tư công cụ, dụng cụ	1.139.887.440	4.072.134.140
Thuế đất trả trước	5.197.063.809	-
Khác	771.819.049	3.258.333.332
Dài hạn	67.235.609.850	75.573.566.548
Tài sản chờ mang đi đầu tư	51.602.316.000	51.602.316.000
Bao bì, chai kết	15.614.693.850	23.924.750.548
Khác	18.600.000	46.500.000
TỔNG CỘNG	74.344.380.148	82.904.034.020

Chi tiết tăng (giảm) chi phí trả trước dài hạn:

	<i>30/09/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
Số đầu kỳ	75.573.566.548	70.407.613.258
Tăng trong kỳ	13.124.960.585	33.955.459.842
Phân bổ trong kỳ	(19.946.891.831)	(28.789.506.552)
Khác	(1.516.025.452)	-
Số cuối kỳ	67.235.609.850	75.573.566.548



TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	567.380.545.080	2.692.515.898.743	49.732.278.903	77.256.105.171	3.386.884.827.897
Mua mới trong kỳ	-	14.069.119.412	6.116.216.730	4.147.923.404	24.333.259.546
Chuyển từ chi phí XDCBDD	11.209.025.794	976.933.603	-	346.958.252	12.532.917.649
Tặng khác	10.000	-	-	-	10.000
Xóa sổ	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(51.316.000)	-	(6.567.000)	(57.883.000)
Số dư cuối kỳ	578.589.580.874	2.707.510.635.758	55.848.495.633	81.744.419.827	3.423.693.132.092
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-
Số dư đầu kỳ	310.849.165.165	1.829.012.051.602	36.320.858.089	53.004.019.906	2.229.186.094.762
Khấu hao trong kỳ	27.784.964.083	144.928.553.105	3.085.620.267	7.085.841.408	182.884.978.863
Xóa sổ	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	338.634.129.248	1.973.940.604.707	39.406.478.356	60.089.861.314	2.412.071.073.625
Giá trị còn lại	239.955.451.626	733.570.031.051	16.442.017.277	21.654.558.513	1.011.622.058.467
Tại ngày đầu kỳ	256.531.379.915	863.503.847.141	13.411.420.814	24.252.085.265	1.157.698.733.135
Tại ngày cuối kỳ	239.955.451.626	733.570.031.051	16.442.017.277	21.654.558.513	1.011.622.058.467

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 646.649.985.301
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý : 49.388.205.738
- Nguyên giá TSCĐHH Tổng công ty cho các công ty liên kết thuê có thu phí : 150.001.189.638

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

13 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Nguyên giá	Quyên sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	929.359.796.577	58.566.007.247	987.925.803.824
Mua mới trong kỳ	-	-	-
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
Xóa sổ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	929.359.796.577	58.566.007.247	987.925.803.824
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	47.503.328.064	46.101.828.993	93.605.157.057
Khấu hao trong kỳ	3.467.528.748	4.164.997.823	7.632.526.571
Xóa sổ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	50.970.856.812	50.266.826.816	101.237.683.628
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	881.856.468.513	12.464.178.254	894.320.646.767
Tại ngày cuối kỳ	878.388.939.765	8.299.180.431	886.688.120.196

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý

: 42.613.894.817
:

1/09

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nguyên giá	
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>7.859.289.977</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	3.111.334.853
Khấu hao trong kỳ	294.723.378
Số dư cuối kỳ	<u>3.406.058.231</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu kỳ	<u>4.747.955.124</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u><u>4.453.231.746</u></u>

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

15 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/09/2017	01/01/2017
Cải tạo nhà xưởng, đầu tư thiết bị nấu tại NM Nguyễn Chí Thanh	41.343.996.046	16.985.510.914
Kho lưu trữ hồ sơ tại Nhà máy Củ Chi	-	5.795.957.288
Trung tâm hội nghị và nhà hàng tiệc cưới Nha Trang	-	2.485.484.179
Khác	5.600.828.967	3.949.598.055
TỔNG CỘNG	46.944.825.013	29.216.550.436

16 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

16.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2017	01/01/2017
Ngắn hạn	4.965.000.000.000	2.940.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	4.965.000.000.000	2.940.000.000.000
Dài hạn	-	-
Trái phiếu – Tập đoàn kinh tế Vinashin	20.868.879.905	20.868.879.905
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn	(20.868.879.905)	(20.868.879.905)
ĐẦU TƯ THUẦN	4.965.000.000.000	2.940.000.000.000

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2017	01/01/2017
Đầu tư vào các công ty con (i)	2.728.068.835.029	2.728.068.835.029
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh (ii)	667.084.845.720	666.884.845.720
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (iii)	783.539.401.803	807.063.205.046
TỔNG CỘNG	4.178.693.082.552	4.202.016.885.795
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(447.465.920.240)	(462.355.728.421)
ĐẦU TƯ THUẦN	3.731.227.162.312	3.739.661.157.374
<i>Trong đó:</i>		
Đầu tư vào các công ty con	2.697.276.979.635	2.710.385.413.457
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên Doanh	651.054.531.984	646.065.340.958
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	382.895.650.693	383.210.402.959

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

16 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	30/09/2017		01/01/2017		Dự phòng
	% Sở hữu và biểu quyết	Giá trị VND	%	Giá trị VND	
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	100	700.000.000.000	100	700.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	69	314.250.000.000	69	314.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	67	299.548.230.160	67	299.548.230.160	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	62	236.167.400.000	62	236.167.400.000	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	92	208.414.271.535	92	208.414.271.535	-
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	100	120.000.000.000	100	120.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	51	100.424.933.209	51	100.424.933.209	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	52	93.800.000.000	52	93.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	94	81.000.000.000	94	81.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	55	76.324.868.844	55	76.324.868.844	-
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Bia Sài Gòn	100	59.365.663.690	100	59.365.663.690	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Nam Trung Bộ	90	55.799.775.209	90	55.799.775.209	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Bia Sài Gòn	77	55.174.824.506	77	55.174.824.506	(17.683.421.572)
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Miền Trung	91	54.546.288.176	91	54.546.288.176	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Miền Bắc	95	37.422.345.046	95	37.422.345.046	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Sông Hậu	90	36.798.955.472	90	36.798.955.472	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Tây Nguyên	90	36.541.448.653	90	36.541.448.653	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Miền Đông	91	36.362.195.948	91	36.362.195.948	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Sông Tiền	90	36.265.364.767	90	36.265.364.767	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Bắc Trung Bộ	95	36.211.572.632	95	36.211.572.632	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Đông Bắc	90	36.000.000.000	90	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	51	17.650.697.182	51	17.650.697.182	-
TỔNG CỘNG		2.728.068.835.029		2.728.068.835.029	(17.683.421.572)

TỔNG CỘNG

2.728.068.835.029 (30.791.855.394)

2.728.068.835.029 (17.683.421.572)

11/10/2017

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

16 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	30/09/2017		01/01/2017		Dự phòng
	% Sở hữu và biểu quyết	Giá trị VND	%	Giá trị VND	
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	30	113.224.326.586	30	113.224.326.586	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung	32	103.174.711.495	32	103.174.711.495	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	30	86.338.395.824	30	86.338.395.824	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tân Thành	29	72.500.000.000	29	72.500.000.000	(2.233.916.447)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Lý	30	53.379.495.085	30	53.379.495.085	-
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	25	43.111.007.200	25	43.111.007.200	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ	27	33.787.500.000	27	33.787.500.000	-
Công ty TNHH Rượu và Cồn Việt Nam	45	31.632.170.530	45	31.632.170.530	(17.850.182.484)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long	20	30.000.000.000	20	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Phú Thọ	35	26.212.239.000	35	26.212.239.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Khánh Hòa	26	26.000.000.000	26	26.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang	20	23.000.000.000	20	23.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Ninh Thuận	-	-	20	19.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương Thực Thực phẩm TRƯỜNG SA	28	4.725.000.000	28	4.725.000.000	(735.405.831)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	20	20.000.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG		667.084.845.720		666.884.845.720	(20.819.504.762)

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

16 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(iii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	30/09/2017		01/01/2017	
	% Sở hữu và biểu quyết	Giá trị VND	% Sở hữu và biểu quyết	Giá trị VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	2,75	216.579.320.000	2,75	216.579.320.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	0,95	136.265.460.000	0,95	136.265.460.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bình Tây	13,26	53.249.742.406	13,26	53.249.742.406
Công ty PVI Sài Gòn	0,21	51.475.140.000	0,21	51.475.140.000
Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	10	51.107.720.722	10	51.107.720.722
Quỹ đầu tư Việt Nam	7,97	35.617.214.481	7,97	42.337.214.481
Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco Sông Lam	15,33	46.000.000.000	15,33	46.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	7,2	45.000.000.000	7,2	45.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	-	-	0,47	36.603.803.243
Công ty Du lịch Dầu khí Phương Đông	9,8	30.700.950.000	9,8	30.700.950.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	13,54	26.588.267.394	13,54	26.588.267.394
Công ty Cổ phần Đầu tư SABECO HP	8	24.426.586.800	8	24.426.586.800
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Không Gian Ngãm	5,29	23.085.000.000	5,29	23.085.000.000
Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô	14,4	19.690.000.000	16,3	19.690.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Đồng Nai	10,38	3.954.000.000	10,38	3.954.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Ninh Thuận	10,26	19.800.000.000	-	-
TỔNG CỘNG		783.539.401.803		807.063.205.046
		(400.643.751.110)		(423.852.802.087)

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Phải nộp</i>	<i>Đã nộp</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(302.300.301.079)	188.038.852.462	-	(114.261.448.617)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	273.643.135.840	698.744.963.153	754.599.748.135	217.788.350.858
Thuế giá trị gia tăng	71.585.936.413	218.724.532.841	228.157.426.786	62.153.042.468
Thuế đất	1.581.049.815	-	-	1.581.049.815
Thuế thu nhập cá nhân	2.351.023.660	20.080.397.823	19.714.398.104	2.717.023.379
Thuế tài nguyên	14.856.160	44.157.640	44.163.160	14.850.640
Thuế nhập khẩu	-	6.894.770.724	6.894.770.724	-
Phí, lệ phí	8.861.228	47.307.354	-	56.168.582
Thuế khác	(212.724)	645.548	645.548	(212.724)
TỔNG CỘNG	46.884.349.313	1.132.575.627.545	1.009.411.152.457	170.048.824.401
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thuế trả trước</i>	<i>(302.300.513.803)</i>			<i>(114.261.661.341)</i>
<i>Thuế phải nộp</i>	<i>349.184.863.116</i>			<i>284.310.485.742</i>

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

18 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>30/09/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
Phải trả cho bên khác	526.438.231.574	627.292.155.932
- Công ty CP Bao bì Sabeco Sông Lam	154.614.976.095	137.409.303.068
- Công ty TNHH Asia Packaging Industries (VN)	74.809.654.170	71.121.875.267
- Công ty TNHH Thương Mại & Vận tải Thái Tân	29.637.380.081	67.784.461.002
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka	117.456.094.377	51.080.263.953
- Khác	304.535.102.946	437.305.555.710
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	446.814.059.889	642.322.575.688
TỔNG CỘNG	1.127.867.267.558	1.407.024.034.688

19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>30/09/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
Chi phí hỗ trợ, bán hàng	528.154.153.337	-
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	51.639.742.015	186.242.288.811
Chi phí phải trả mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.003.787.111	2.104.604.775
Chi phí khác	11.604.245.390	30.596.738.611
TỔNG CỘNG	592.401.927.853	218.943.632.197

20 PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>30/09/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
Ngắn hạn	900.361.500.758	1.006.547.944.823
Tài sản thừa chờ xử lý	379.565.962	379.565.962
Kinh phí công đoàn	678.671.640	624.443.480
Bảo hiểm xã hội	229.884.676	219.989.175
Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 22.4)	7.184.468.825	207.879.301.875
Quỹ công tác xã hội	50.208.328.468	37.233.839.078
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa	735.379.872.700	735.379.872.700
Tạm ứng nhận từ việc thanh lý giải thể Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	15.350.000.000	15.350.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	90.950.708.487	9.480.932.553

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

20 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

	<i>30/09/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
Dài hạn	51.602.316.000	51.602.316.000
Tiền thuê đất	51.602.316.000	51.602.316.000
TỔNG CỘNG	951.963.816.758	1.058.150.260.823
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	83.790.975.119	4.087.277.779
<i>Bên khác</i>	868.172.841.639	1.054.062.983.044

21 QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

	<i>30/09/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
Số đầu năm	189.296.403.628	191.655.580.546
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	94.809.269.325	206.491.319.999
Điều chuyển về công ty con	(48.274.302.898)	(72.821.198.713)
Sử dụng quỹ	(173.160.356.271)	(136.029.298.204)
Số cuối kỳ	62.671.013.784	189.296.403.628

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

22 VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	6.412.811.860.000	760.819.802.040	2.831.817.727.401	10.005.449.389.441
Lợi nhuận thuần trong năm			4.262.935.963.691	4.262.935.963.691
Chia cổ tức			(3.847.690.116.000)	(3.847.690.116.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi			(13.571.380.000)	(13.571.380.000)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội			(2.262.000.000)	(2.262.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi			(192.919.939.999)	(192.919.939.999)
Trích lập quỹ công tác xã hội			(31.737.000.000)	(31.737.000.000)
Số cuối năm	6.412.811.860.000	760.819.802.040	3.006.573.255.093	10.180.204.917.133
Năm nay				
Số đầu năm	6.412.811.860.000	760.819.802.040	3.006.573.255.093	10.180.204.917.133
Lợi nhuận thuần trong kỳ			3.269.023.696.486	3.269.023.696.486
Chia cổ tức			-	-
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi			(65.075.296.000)	(65.075.296.000)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội			(10.892.000.000)	(10.892.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi			(29.733.973.325)	(29.733.973.325)
Trích lập quỹ công tác xã hội			(44.536.000.000)	(44.536.000.000)
Số cuối kỳ	6.412.811.860.000	760.819.802.040	6.125.359.682.254	13.298.991.344.294

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

22 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Vốn cổ phần

	30/09/2017		01/01/2017	
	Tổng mệnh giá	Số cổ phiếu phổ thông	Tỷ lệ sở hữu	Tổng mệnh giá
Bộ Công thương	5.745.191.340.000	574.519.134	89,59%	5.745.191.340.000
Các cổ đông khác	667.620.520.000	66.762.052	10,41%	667.620.520.000
TỔNG CỘNG	6.412.811.860.000	641.281.186		6.412.811.860.000

22.3 Cổ phiếu

Cổ phiếu được phép phát hành	30/09/2017	01/01/2017
	(cổ phiếu)	(cổ phiếu)
	641.281.186	641.281.186
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	641.281.186	641.281.186
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	641.281.186
Cổ phiếu đang lưu hành	641.281.186	641.281.186
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	641.281.186

22.4 Cổ tức

Số đầu năm	30/09/2017	01/01/2017
	207.879.301.875	10.297.038.425
Cổ tức phải trả trong năm	-	3.847.690.116.000
Cổ tức đã chi trả	(200.694.833.050)	(3.650.107.852.550)
Số cuối kỳ	7.184.468.825	207.879.301.875

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

23 DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu	8.372.338.341.079	7.642.567.859.769
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	5.701.798.110.550	4.987.072.924.500
Doanh thu bán nguyên vật liệu	1.624.380.293.461	1.514.140.862.280
Doanh thu bán thành phẩm	1.033.361.880.105	1.132.340.995.285
Doanh thu khác	12.798.056.963	9.013.077.704
Các khoản giảm trừ	-	-
Hàng bán trả lại		
DOANH THU THUẦN	8.372.338.341.079	7.642.567.859.769
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	5.701.798.110.550	4.987.072.924.500
Doanh thu bán nguyên vật liệu	1.624.380.293.461	1.514.140.862.280
Doanh thu bán thành phẩm	1.033.361.880.105	1.132.340.995.285
Doanh thu khác	12.798.056.963	9.013.077.704

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	238.078.832.721	204.017.293.294
Lãi tiền gửi ngân hàng	112.451.816.366	111.586.641.424
Lãi đầu tư trái phiếu	-	3.900.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	351.769.807	1.079.436.773
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	219.928.881.772
TỔNG CỘNG	350.882.418.894	540.512.253.263

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng hóa đã bán	4.950.216.205.270	4.405.205.094.900
Giá vốn nguyên vật liệu	1.614.998.450.568	1.489.424.329.712
Giá vốn thành phẩm đã bán	599.747.918.455	620.478.160.756
Giá vốn khác	715.546.186	345.017.104
TỔNG CỘNG	7.165.678.120.479	6.515.452.602.472



TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	993.352.916	265.866.454
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ	10.505.940	39.526.373
TỔNG CỘNG	1.003.858.856	305.392.827

26 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	299.497.895.333	119.025.376.691
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	79.295.536.246	114.983.816.763
Chi phí hỗ trợ bán hàng	217.048.137.128	-
Chi phí nhân công	3.080.146.095	2.764.584.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	187.788.557
Chi phí khác	74.075.864	1.089.186.865
Chi phí quản lý doanh nghiệp	76.061.577.386	68.577.571.703
Chi phí nhân viên quản lý	29.820.686.641	26.120.881.980
Chi phí vật liệu quản lý	676.090.709	439.275.757
Chi phí đồ dùng văn phòng	880.335.126	333.940.510
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.752.526.867	3.446.046.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.823.343.369	21.378.818.447
Chi phí khác	26.108.280.176	16.858.608.217
TỔNG CỘNG	375.559.472.719	187.602.948.394

27 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	292.732.444	5.208.832.476
Tiền phạt thu được	82.684.947	327.923.583
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	33.427.270
Các khoản khác	210.047.497	4.847.481.623
Chi phí khác	770.487.014	104.989.497
Chi phí phạt	35.000.000	-
Các khoản khác	735.487.014	104.989.497
LỢI NHUẬN KHÁC	(477.754.570)	5.103.842.979

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí vật tư, nguyên vật liệu	433.464.563.636	447.937.123.417
Chi phí nhân công	108.419.467.842	94.898.467.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.055.397.121	64.256.642.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	357.340.803.082	158.198.805.868
Chi phí khác	41.583.585.190	55.604.882.264
TỔNG CỘNG	1.002.863.816.871	820.895.921.919

50
51
C
BI
01
92
11/9/92

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

29.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	188.038.852.462	242.766.373.066
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.238.901.380	14.700.366.560
TỔNG CỘNG	190.277.753.842	257.466.739.626

29.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<i>30/09/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
Lợi thế thương mại	5.224.103.220	11.820.807.358
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	8.519.266.425	7.719.581.849
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.304.311.667	2.304.311.667
TỔNG CỘNG	16.047.681.312	21.844.700.874

30 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>30/09/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
Ngoại tệ		
USD	32.708,92	113.337,12
EUR	4.712,72	31.473,31

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

31 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	30/09/2017	01/01/2017
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	1.222.875.500	9.997.192.692
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn- Quảng Ngãi	5.074.788.878	55.119.710.494
Công ty Cổ Phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	2.819.864.416	8.686.997.275
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Nghệ Tĩnh	628.452.000	4.843.649.388
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Sông Lam	-	44.744.861.095
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	5.218.021.148	26.151.273.237
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.099.003.238.837	89.427.898.798
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng	7.514.460.903	34.872.014.112
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn-Hà Tĩnh	8.564.729.117	36.160.902.023
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Phủ Lý	8.380.458.180	41.006.764.802
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ	1.524.225.021	36.815.200.892
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Miền Trung	7.135.681.200	12.733.083.100
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu	605.387.750	7.264.443.697
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	7.949.307.189	33.177.905.304
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Vĩnh Long	2.451.725.667	36.256.625.474
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Kiên Giang	4.880.367.925	28.762.901.268
Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Khánh Hòa	4.517.978.708	28.318.206.689
	1.167.491.562.439	534.339.630.340

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

	30/09/2017	01/01/2017
Trả trước cho người bán		
Công Ty CP Rượu Bình Tây	4.272.916	4.272.916
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	348.251.904	348.251.904
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	450.291.600	-
	802.816.420	352.524.820

	30/09/2017	01/01/2017
Phải thu khác		
Ngắn hạn		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	345.816.682	345.816.682
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương	1.062.000.000	1.274.400.000
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn- Quảng Ngãi	14.925.000.000	-
Công Ty CP Rượu Bình Tây	14.565.945.479	14.406.695.479
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Nghệ Tĩnh	6.896.400.000	1.149.400.000
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Sông Lam	37.140.000.000	-
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	250.759.488.210
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	29.700.000	29.700.000
Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	2.787.392.458	2.872.609.488
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn-Hà Tĩnh	5.604.444.706	12.977.589.753
Công Ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn	1.645.690.998	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Kiên Giang	-	10.657.771.029
Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Khánh Hòa	83.916.000	83.916.000
	362.317.039.866	571.788.120.184

Dài hạn		
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn-Hà Tĩnh	328.073.502.218	328.073.502.218
	328.073.502.218	328.073.502.218

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

	30/09/2017	01/01/2017
Phải trả người bán		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	9.339.663.960	11.196.554.270
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn- Quảng Ngãi	25.024.131.550	43.835.031.240
Công ty Cổ Phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	5.937.210.420	4.048.078.230
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Nghệ Tĩnh	18.359.468.050	8.890.070.134
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Sông Lam	27.563.115.855	46.693.794.565
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	23.456.559.830	14.744.382.620
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.008.819.249	9.988.695.380
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	560.005.415	455.296.415
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	79.563.616	79.563.616
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	19.173.000	156.123.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Trung	1.075.302.864	2.168.529.531
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	35.800.000	35.800.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	386.900.000	386.900.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	2.469.914.518	2.469.914.518
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	416.400.000	416.400.000
Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	4.949.985.757	10.998.806.232
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng	12.847.962.270	17.387.542.700
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	25.597.417	25.597.417
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn-Hà Tĩnh	26.561.247.900	26.012.879.420
Công ty Cổ Phần Bao Bì Bia Sài Gòn	17.673.319.840	2.651.550.000
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Phủ Lý	11.000.533.500	45.929.503.334
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ	3.910.710.320	16.276.994.800
Công Ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn	136.439.671.693	236.759.057.331
Công Ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	18.853.296.000	15.290.440.000
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Miền Trung	31.224.526.130	36.631.119.635
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu	4.672.335.800	10.899.273.770
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	18.743.599.495	19.889.645.500
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Vĩnh Long	9.237.660.850	10.055.674.640
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Kiên Giang	22.568.003.590	25.921.757.290
Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Khánh Hòa	12.373.581.000	22.027.600.100
	446.814.059.889	642.322.575.688

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

	30/09/2017	01/01/2017
<i>Phải trả khác</i>		
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	80.798.697.340	-
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	1.522.160.540	1.612.160.540
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	437.717.745	527.717.745
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Trung	-	300.000.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	-	120.000.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	82.229.450	322.229.450
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Đông	52.063.478	136.063.478
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	739.328.874	824.828.874
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	106.561.973	192.061.973
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng	12.932.851	12.932.851
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	39.282.868	39.282.868
	83.790.975.119	4.087.277.779
	83.790.975.119	4.087.277.779

IT
MIN

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

32 CÁC CAM KẾT

Các cam kết liên quan đến chi phí hoạt động


Tổng Công ty đã có cam kết theo hợp đồng thuê văn phòng tại trung tâm Vincom B - 72 Lê Thánh Tôn - Phường Bến Nghé - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh và thuê đất tại khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh về chi phí duy tu bảo dưỡng khu công nghiệp.



Lê Thị Thiên Thanh
Người lập



Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Nam
Tổng giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2017

